

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **29/2020/HS-ST**
Ngày 28-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Hồng Giang;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Ngo;

2. Ông Nguyễn Văn Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh B.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Huy Du và ông Phạm Văn Trường, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án dân huyện C, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2020/TLST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2020/QĐXXST-HS ngày 14/9/2020, đối với bị cáo:

TRIỆU XUÂN T, tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 27 tháng 12 năm 1985, tại huyện C, tỉnh B;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn L, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh B;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 5/12;

Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Triệu Sinh V và bà Triệu Thị M;

Bị cáo có vợ là Hoàng Thị C và 02 con, con lớn 12 tuổi, con nhỏ 10 tuổi.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Có 01 tiền sự, ngày 01/6/2020, bị Công an thị trấn Đ, huyện C, tỉnh B ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Triệu Xuân T về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B, (có mặt tại phiên tòa).

*** Bị hại:** Anh Bùi Quang T, sinh năm 1976; Nghề nghiệp: Lao động tự do, trú tại: Tổ 7, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh B, (có mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Đào Minh T1, sinh năm 1982, trú tại: Xóm B, xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, (vắng mặt).

*** Người làm chứng:** Anh Lê Huy T3, sinh năm 1999, trú tại: Xóm N, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 03/7/2020, Triệu Xuân T đi bộ từ thôn L ra Quốc lộ 3 thuộc thôn Nà Mổ, thị trấn Đ. Tại đây, T gặp anh Tạ Văn C, sinh năm 1988, trú tại thôn H, xã C, huyện C, tỉnh B và nhờ chở bằng xe mô tô xuống nhà anh H (không rõ họ, tên), trú tại tổ 5, thị trấn Đ để bán chiếc màn hình máy tính và bộ loa máy tính vừa nhặt tại vỉa hè đường. Tại nhà anh Hưng, tổ công tác của Công an thị trấn Đ đến không cho T bán bộ loa và màn hình máy tính vì nghi ngờ là T sản trộm cắp. Thấy vậy, T bỏ ra ngoài và đi bộ trên vỉa hè bên phải đường Quốc lộ 3 về hướng Thái Nguyên. Khi đến trước cửa nhà anh Bùi Quang T2, trú tại tổ 7, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh B. T nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, màu sơn xanh, BKS 29K9-1065 đang dựng trước cửa nhà anh T2, chìa khóa điện vẫn cắm ở ổ khóa xe, T đi qua, vừa đi vừa quan sát thấy trong nhà anh T2 không có ai, nên nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô. T đi đến vị trí dựng xe mô tô, đạp nổ máy điều khiển xe đi theo hướng Quốc lộ 3 rồi đi theo tuyến đường Hồ Chí Minh sang huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên. T vào một hàng sửa chữa xe máy và bán chiếc xe mô tô trộm cắp được cho anh Đào Minh T1, sinh năm 1982, trú tại xóm B, xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên với giá 2.300.000đ (Hai triệu ba trăm ngàn đồng). Số tiền bán xe, T đã mua ma túy để sử dụng và chi tiêu cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá T sản số 57/KL-HĐĐGTS ngày 08/7/2020 của Hội đồng định giá T sản trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận: 01 chiếc xe mô tô BKS 29K9-1065, nhãn hiệu HONDA đã qua sử dụng tại thời điểm tháng 7/2020 có trị giá là 4.000.000đ, (Bốn triệu đồng).

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C và quá trình truy tố, bị cáo Triệu Xuân T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các T liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

T liệu, đồ vật tạm giữ trong vụ án gồm: 01 (một) Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số A0320013 BKS 29K9-1065 mang tên Nguyễn Quốc L do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 07/3/2000; 01 (một) Giấy bán xe ghi ngày 04/02/2007; 01 (một) USB nhãn hiệu Kingston (bên trong chứa dữ liệu Camera của anh Bùi Quang T2 vào ngày 03/7/2020) còn niêm phong; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, màu sơn xanh, BKS 29K9-1065;

Ngày 27/8/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện C ra Quyết định xử lý vật chứng số 15, trả lại cho anh Bùi Quang T2 gồm: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, màu sơn xanh, BKS 29K9-1065; 01 (một) Giấy đăng ký xe mô tô,

xe máy số: A0320013 BKS 29K9-1065 mang tên Nguyễn Quốc L do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 07/3/2000; 01 (một) Giấy bán xe ghi ngày 04/02/2007.

Đối với vật chứng là 01 (một) USB nhãn hiệu Kingston (bên trong chứa dữ liệu Camera của anh Bùi Quang T2 vào ngày 03/7/2020) còn niêm phong; chuyển theo hồ sơ vụ án để xử lý.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về việc xử lý vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, Viện Kiểm sát nhân dân huyện C.

Bản cáo trạng số: 33/CT-VKSCM, ngày 09/9/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh B truy tố bị cáo Triệu Xuân T về tội "*Trộm cắp tài sản*" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

*** Ý kiến của Viện Kiểm sát:** Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm các vấn đề cụ thể như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

1. Tuyên bố bị cáo Triệu Xuân T phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Triệu Xuân T từ 06 đến 09 tháng tù, thời gian chấp hành án tính từ ngày tạm giữ (05/7/2020).

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 579, Điều 580, Điều 357 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Triệu Xuân T phải trả lại cho anh Đào Minh T1 số tiền 2.300.000đ.

4. Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án 01 (một) USB nhãn hiệu Kingston (bên trong chứa dữ liệu Camera của anh Bùi Quang T2).

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm cho bị cáo Triệu Xuân T.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo và những người tham gia tố tụng khác nhất trí với quyết định truy tố của Viện Kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong

quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, cụ thể: Vào khoảng 09 giờ 00 phút đến 09 giờ 30 phút ngày 03/7/2020, tại khu vực vỉa hè trước cửa nhà anh Bùi Quang T2, trú tại tổ 7, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh B, Triệu Xuân T đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp T sản là một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, màu sơn xanh, BKS 29K9-1065 của gia đình anh T2, có trị giá 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

[3] Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các T liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội: “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Điều luật có nội dung:

“Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

[4] Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh B truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Mức hình phạt của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp, cần được chấp nhận.

[5] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp đối với T sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu tới tình hình an ninh trật tự tại địa phương, xét thấy cần xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự. Do vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình. Trong quá trình điều tra vụ án, ngày 24/8/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã ra quyết định khởi tố bị can số 61 đối với Triệu Xuân T về tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 172 Bộ luật Hình sự. Do vậy, bị cáo không được hưởng tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

[6] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Bị cáo có nhân thân xấu, quá trình sinh sống tại địa phương đã có 01 tiền sự, ngày 01/6/2020, bị Công an thị trấn Đ, huyện C ra Quyết định xử phạt vi

phạm hành chính đối với Triệu Xuân T về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải. Do vậy, các bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Sau khi xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, xét thấy, bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có hiểu biết pháp luật, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do vậy, cần phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, để có thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, nhằm răn đe giáo dục và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Xét thấy, bị cáo là người nghiện ma túy, không có việc làm ổn định, gia đình thuộc hộ cận nghèo. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 27/8/2020, anh Bùi Quang T2 đã nhận lại T sản và các giấy tờ liên quan đến chiếc xe mô tô BKS 29K9-1065, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường về trách nhiệm dân sự. Anh Đào Minh T1 là người đã mua chiếc xe mô tô do T bán với giá 2.300.000đ. Khi mua xe anh T1 không biết đó là T sản do T phạm tội mà có. Trong quá trình điều tra anh T1 có đơn xin xét xử vắng mặt, yêu cầu bị cáo Triệu Xuân T phải có trách nhiệm bồi thường cho anh số tiền 2.300.000đ. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo nhất trí bồi thường theo yêu cầu của bị hại. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu bồi thường của bị hại là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[10] Vật chứng của vụ án gồm: 01 (một) Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số A0320013 xe mô tô BKS 29K9-1065 mang tên Nguyễn Quốc L do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 07/3/2000; 01 (một) Giấy bán xe ghi ngày 04/02/2007; 01 (một) USB nhãn hiệu Kingston (bên trong chứa dữ liệu Camera của anh Bùi Quang T2 vào ngày 03/7/2020) còn niêm phong; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, màu sơn xanh, BKS 29K9-1065.

Ngày 27/8/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ra Quyết định xử lý vật chứng số 15, trả lại cho anh Bùi Quang T2 gồm: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, màu sơn xanh, BKS 29K9-1065; 01 (một) Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy BKS 29K9-1065 mang tên Nguyễn Quốc L do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 07/3/2000; 01 (một) Giấy bán xe ghi ngày 04/02/2007.

Đối với vật chứng là 01 (một) USB nhãn hiệu Kingston (bên trong chứa dữ liệu Camera của anh Bùi Quang T2. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị hại nhất trí không lấy lại, xét thấy cần tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

Trong vụ án này, anh Đào Minh T1 là người đã mua chiếc xe mô tô BKS 29K9-1065, nhãn hiệu Honda Future do T bán và đã thanh toán cho T số tiền 2.300.000đ. Khi mua chiếc xe mô tô trên, anh T1 không biết đó là T sản do T phạm tội mà có, do vậy không xem xét xử lý hành vi của anh T1, xét thấy là phù hợp với quy định của pháp luật.

[13] Về án phí: Bị cáo Triệu Xuân T thuộc hộ cận nghèo theo quy định của Chính phủ, bị cáo có đơn xin miễn án phí. Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

1. Tuyên bố bị cáo Triệu Xuân T phạm tội "*Trộm cắp T sản*".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Triệu Xuân T **09** (Chín) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (05/7/2020).

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 579, Điều 580 Điều 357 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Triệu Xuân T phải có trách nhiệm trả lại số tiền 2.300.000đ (*Hai triệu ba trăm ngàn đồng*) cho anh Đào Minh T1, sinh năm 1982, trú tại: Xóm B, xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án 01 (một) USB nhãn hiệu Kingston, bên trong chứa dữ liệu Camera của anh Bùi Quang T2 vào ngày 03/7/2020, còn niêm phong.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm cho bị cáo Triệu Xuân T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi thành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại, báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND huyện C;
- Công an huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Hồng Giang